

Bản án số: 786 /2024/HNGĐ - ST

Ngày: 14 tháng 11 năm 2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hiền.

Ông Phùng Văn Tàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 451/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bạch Văn N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, đường A, tổ dân phố A, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.
Có mặt.

-Bi đơn: Chị Phạm Thị Phương D, sinh năm 1982 .

Đăng ký thường trú: Số A, đường A, tổ dân phố A, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: P, tầng 10 P1 chung cư HUD3 Tower, số A T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bạch Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Phương D chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, tỉnh Hà Tây (nay là phường M, quận H, thành phố Hà Nội) ngày 30/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số A, đường A, tổ dân phố A, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, đến tháng 06 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 06 năm 2019 cho đến

nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị D không còn vì vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều năm nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh N xác nhận anh và chị D có 02 con chung là Bạch Tuấn L (nam), sinh ngày 03/02/2008 và Bạch Tuấn H (nam), sinh ngày 24/11/2012. Khi anh và chị D sống ly thân nhau thì giữa anh N và chị D đã có cuộc nói chuyện thống nhất thoả thuận về con chung như sau: Anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn L, chị D là người trực tiếp nuôi con chung Bạch Tuấn H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và hiện nay hai bên vẫn đang thực hiện theo sự thống nhất thoả thuận này.

Về Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí : Anh N đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Phạm Thị Phương D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị D xác nhận về thời gian kết hôn, địa chỉ chung sống giữa chị và anh N như anh N trình bày là đúng. Chị D xác nhận trong quá trình chung sống giữa chị và anh N có mâu thuẫn như anh N trình bày là đúng và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi như anh N trình bày là đúng. Hiện nay chị và cháu Bạch Tuấn H đã thuê nhà để ở tại: P, tầng 10 P1 chung cư HUD3 Tower, số A T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

Nay anh N xin ly hôn chị thì chị không đồng ý ly hôn mà chị đề nghị chị và anh N vẫn cứ sống ly thân như hiện nay để cho các con chung ổn định cuộc sống, không ảnh hưởng tâm lý.

Về con chung: Chị D xác nhận chị và anh N có 02 con chung là Bạch Tuấn L (nam), sinh ngày 03/02/2008 và Bạch Tuấn H (nam), sinh ngày 24/11/2012. Khi chị và anh N sống ly thân nhau thì giữa chị và anh N đã thống nhất thoả thuận anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn L và chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung B3 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thực tế thoả thuận này hai bên vẫn đang thực hiện . Trường hợp nếu phải ly hôn thì chị đề nghị đối với con chung vẫn giữ nguyên ý kiến các bên đã thống nhất thoả thuận.

Về Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về công nợ: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn : Chị D đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh N vẫn giữ nguyên các yêu cầu nêu trên.

Chị D vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày, không đồng ý ly hôn mà đề nghị anh N vẫn cứ sống ly thân như hiện nay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bạch Văn N đối với chị Phạm Thị Phương D. Về con chung: Anh N và chị D có 02 con chung là Bạch Tuấn L (nam), sinh ngày 03/02/2008 và Bạch Tuấn H (nam), sinh ngày 24/11/2012. Giao cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn L và giao cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N, chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].**Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là chị Phạm Thị Phương D. Chị D hiện đang cư trú tại: P, tầng 10 P1 chung cư HUD3 Tower, số A T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1].**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bạch Văn N và chị Phạm Thị Phương D chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, quận H, tỉnh Hà Tây (nay là phường M, quận H, thành phố Hà Nội) chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2006. Hôn nhân của anh N và chị D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị D đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau....” . Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của anh N, chị D đều xác nhận: Trong cuộc sống hôn nhân anh N và chị D đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn cương quyết xin ly hôn chị D. Chị D không đồng ý ly hôn mà đề nghị anh N vẫn

cứ sống ly thân như hiện nay để cho các con chung ổn định tinh thần cho việc học hành thi cử. Mặt khác qua xác minh tại tổ dân phố nơi anh N và chị D sinh sống cũng thể hiện: Anh N và chị D hiện nay không chung sống cùng nhau. Từ đó thấy rằng chị D cũng tự nhận thức được hôn nhân của chị D và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị D là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. **Về con chung:** Anh N và chị D đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Bạch Tuấn L (nam), sinh ngày 03/02/2008 và Bạch Tuấn H (nam), sinh ngày 24/11/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh N, chị D xác nhận kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì anh N và chị D đã thống nhất thoả thuận được về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận. Cụ thể: Ghi nhận sự thống nhất thoả thuận của anh N, chị D về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn L và chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh N, chị D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. **Về công nợ:** Anh N, chị D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. **Về án phí:** Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 207; các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bạch Văn N đối với chị Phạm Thị Phương D

Anh Bạch Văn N được ly hôn chị Phạm Thị Phương D.

2. Về con chung: Anh Bạch Văn N và chị Phạm Thị Phương D xác nhận có 02 con chung là Bạch Tuấn L (nam), sinh ngày 03/02/2008 và Bạch Tuấn H (nam), sinh ngày 24/11/2012. Ghi nhận sự thống nhất thoả thuận của anh N, chị D về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn L và chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bạch Tuấn H kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh N, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh N, chị D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Anh N, chị D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh N đã nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0043978 ngày 09/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh N, chị D. Anh N, chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hiền Phùng Văn Tàu Nguyễn Thanh T